



Profile

PHÒNG KIM LOẠI

NỘI DUNG:

GIỚI THIỆU VÂN LONG CDC:

1. TỔNG QUAN TRANG 3 – 8
2. CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH DOANH: TRANG 9
3. HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG – KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG: TRANG 10 – 11

PHÒNG KINH DOANH KIM LOẠI:

4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC: TRANG 12
5. SẢN PHẨM: TRANG 13 – 16
6. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG: TRANG 17
7. LOGISTICS GIAO HÀNG: TRANG 18
8. KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU: TRANG 19
9. ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU: TRANG 20
10. VĂN HÓA KINH DOANH VÂN LONG CDC: TRANG 21

KIM LOẠI

Nhà cung cấp kim loại chuyên nghiệp cho ngành đúc, mạ,..





Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Vân Long CDC (Vân Long CDC) được thành lập ngày 18/09/2008 tại thành phố Hải Phòng, với sứ mệnh:

“Kết nối chuỗi cung ứng”

- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng:
 - Kim Loại màu
 - Nguyên liệu cho ngành luyện thép, ngành đúc, luyện kim
 - Hóa chất cơ bản
 - Hạt nhựa;
 - Dung môi hữu cơ;
- Các hoạt động đầu tư phục vụ hoạt động thương mại

Tổng Nguồn vốn kinh doanh của Vân Long CDC: 600 tỷ VNĐ (2024)





❑ TRỤ SỞ CHÍNH:

Số 15A, Khu An Trì, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

❑ NHÀ KHO:

1. Nhà kho (Khu vực Miền Bắc):

Kho Tân Tiên Phong

Địa chỉ : Số 4, đường K9, Phường Đông Hải, quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. Nhà Kho (Khu vực Miền Nam)

Kho Hợp Tiến

Địa chỉ : Đường số 10, Khu CN Sóng Thần 1, Thành Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

❑ LOGISTICS:



Kho bãi sát cạnh Cảng Hải Phòng



Vận chuyển:

- Bằng đường bộ
- Bằng đường biển
- Bằng đường sắt



CÔNG TY TNHH VÂN LONG

1999

04/09/1999 Công ty TNHH Vân Long (CDC) thành lập, hoạt động kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu



NHÀ MÁY ĐÚC NHỰA

2002

Xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Vân Long (CDC)



VÂN LONG CDC

2008

Ngày 18/09/2008, thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Vân Long CDC (Vân Long CDC).
Chuyển đổi nhiệm vụ Kinh doanh Thương mại từ CDC sang Vân Long CDC



2015

Đạt doanh thu xuất khẩu mặt hàng Ferro đạt trên 1.300 tỷ đồng với hệ thống khách hàng Quốc tế và Việt Nam



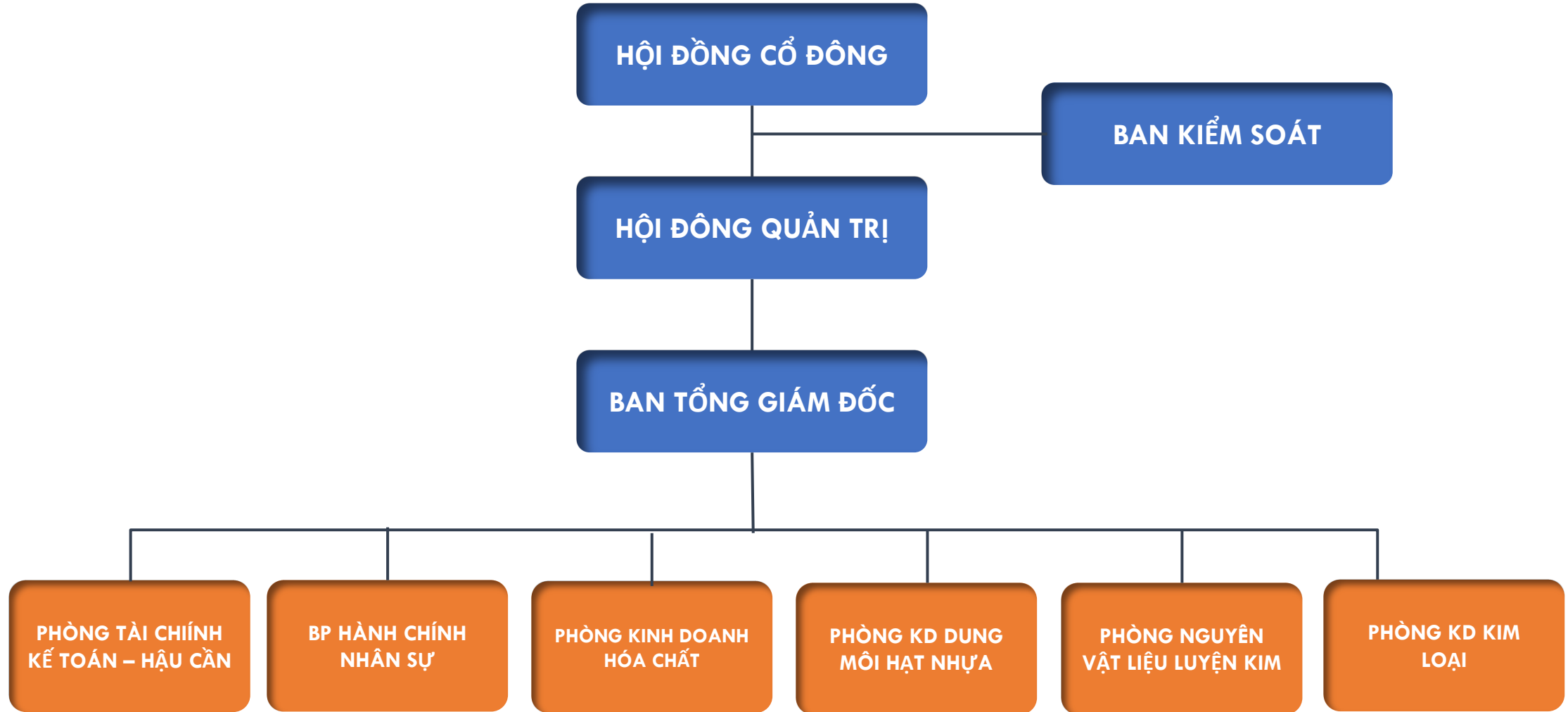
2023

- Top 5 xuất khẩu nhôm, chì thời tái sinh từ Việt Nam
- Top 2 nhà nhập khẩu Xút lỏng phía Bắc Việt Nam
- Top 3 nhà cung cấp dung môi phía Bắc Việt Nam
- Top 5 nhà nhập khẩu vật liệu luyện kim tại Việt Nam





GIỚI THIỆU VÂN LONG CDC – SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





GIỚI THIỆU VÂN LONG CDC – CƠ SỞ HẠ TẦNG



HỆ THỐNG KHO HÀNG MIỀN BẮC

- Diện tích trên 2000m²
- Lưu trữ bảo quản hàng hóa
- Hệ thống an toàn

HỆ THỐNG KHO HÀNG MIỀN NAM

- Diện tích trên 1000m²
- Lưu trữ bảo quản hàng hóa
- Hệ thống an toàn



HỆ THỐNG BỒN BỂ

Tổng diện tích: 21.646 m²
Dung tích bồn bể: 24.200 CBM (14 kho bồn)
Cảng nước sâu: 20.000 DWT

THIẾT BỊ - PHƯƠNG TIỆN

- Xe nâng phục vụ đóng hàng vào container
- Cầu dẫn để xe nâng đóng hàng
- Thiết bị đóng gói
- Dụng cụ + thiết bị gia công hàng hóa
- Phương tiện vận chuyển





Giá trị gia tăng – Giá trị niềm tin

GIỚI THIỆU VÂN LONG CDC – KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

VanLongCDC

10



Máy chưng cất tự động



Molecular Absorption Spectrometer

Giám định chất lượng độc lập



Phòng thí nghiệm tại Công ty Hải Hà



Máy chuẩn độ xác định hàm lượng nước



Máy đo tỷ trọng tự động

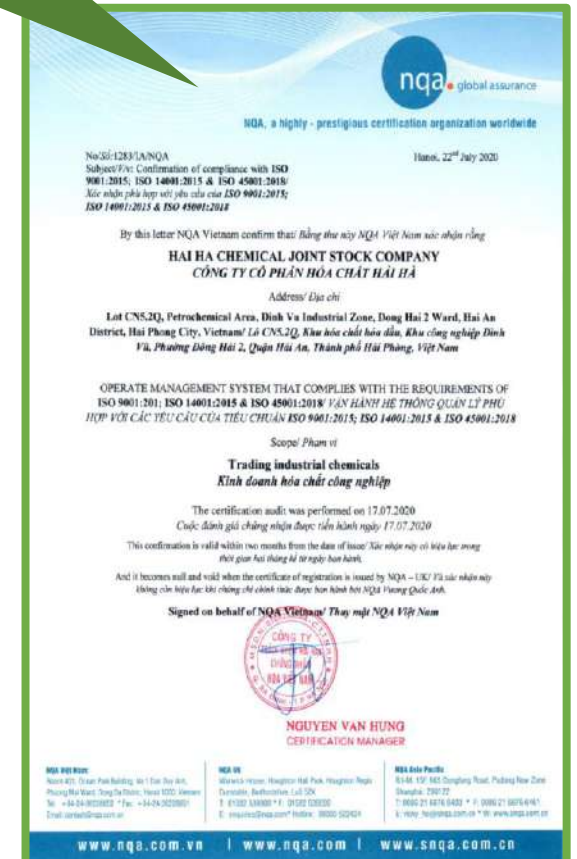
VANLONG CDC
ISO 9001:2015



VANLONG CDC
ISO 14001:2015

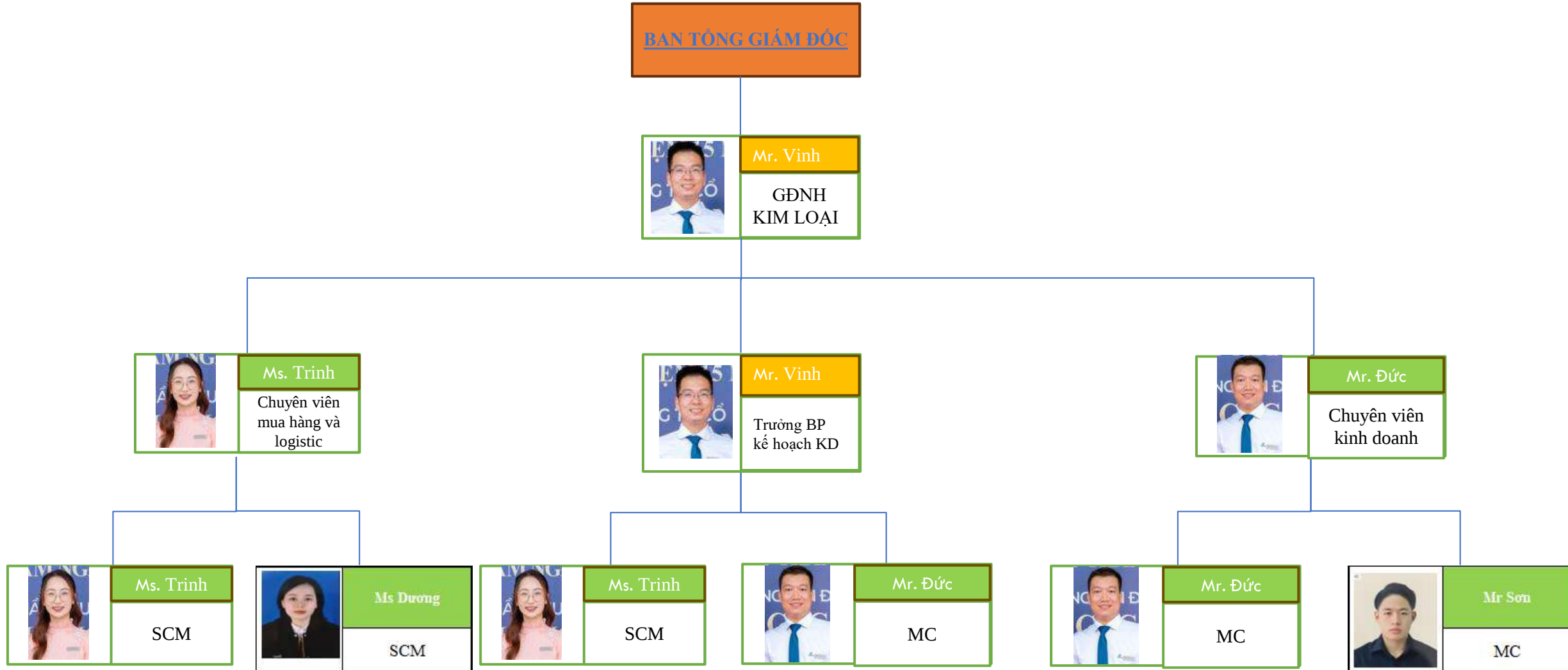


HAIHACHEM
ISO 9001:2015; 14001:2015;
45001:2018





PHÒNG KIM LOẠI- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Nhóm nhôm đúc:



ADC 12	<i>Tiêu chuẩn:</i> Cu 1.5 - 3.5%, Si 9.6 - 12%, Mg 0.3% max, Zn 1.0% max, Fe 1.0% max, Mn 0.50% max, Ni 0.50 max, Sn 0.30% max, Pb 0.1% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 500kg, 1000kg...</i>
ADCSH	<i>Tiêu chuẩn:</i> Cu 1.0-2.5%, Si 9.0 - 11%, Mg 0.5% max, Zn 2.0% max, Fe 1.1% max, Mn 0.50% max, Ni 0.50% max, Sn 0.30% max, Pb 0.1% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 500kg, 1000kg...</i>
HD2	<i>Tiêu chuẩn:</i> Cu 1.5 - 4.0%; Si 10.5 - 12%; Mg 0.05-0.35% max; Zn 2.5% max; Fe 1.1% max; Mn 0.50% max; Ni 0.50% max; Sn 0.20% max; Pb 0.2% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 500kg, 1000kg...</i>

Nhóm nhôm mềm:



Al 96%	<i>Tiêu chuẩn:</i> Al 96% min, Si 0.6% max, Fe 1.0% max, Cu 0.4% max, Mn 0.9% max, Mg 1.65% max, Zn 0.5% max, Pb 0.1% max. <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 1400 - 1800kg...</i>
Al 94%	<i>Tiêu chuẩn:</i> Al 94% min, Si 1.0% max, Fe 3.0% max, Cu 1.0% max, Mg 1.0% max <i>Đóng gói: dạng viên, đường kính: 35-65mm, chiều cao: 20-45mm, đóng trong bao jumbo 1000kg</i>
Al 6063	<i>Tiêu chuẩn:</i> Cu 0.1% max, Si 0.2 – 0.6%, Mg 0.45 - 0.9%, Zn 0.1% max, Fe 0.35% max, Mn 0.10% max, Cr 0.10% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 500kg, 1000kg</i>



Magie



AZ91D	<i>Tiêu chuẩn:</i> Mg 89.6% min, Al 8.3 - 9.7 %, Zn 0.35 - 1.0%, Si 0.1% max, Mn 0.15-0.5%, Be 0.002% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trên pallet 1000kg: dạng chip đóng gói trong bao Jumbo 1 tấn trên pallet...</i>
Mg nguyên chất	<i>Tiêu chuẩn:</i> Mg 99.9% min <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trên pallet 1000kg...</i>
Các hợp kim Mg khác	AZ31, AM50, AM60,

Kẽm



SHG	<i>Tiêu chuẩn:</i> Zn: 99.995% min <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 1000kg</i>
Zamak3	<i>Tiêu chuẩn:</i> Al 3.9-4.2%, Tl 0.001% max, Sn 0.001% max, Si 0.02% max, Pb 0.003% max, Ni 0.001% max, Mg 0.04-0.05%, In 0.0005% max, Fe 0.02% max, Cu 0.03% max, Cd 0.002% max <i>Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 1000kg</i>



Chì



*Chì nguyên
chất*

Tiêu chuẩn:

Pb 99.97% min, Pb 99.99% min

Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 1000kg

Chì 98%

Tiêu chuẩn:

Pb 98% min

Đóng gói: dạng thỏi, đóng trong kiêu 1000kg



STT	Tên hàng	Tiêu chuẩn
1	ADC 12	Cu 1.5 - 3.5%, Si 9.6 - 12%, Mg 0.3% max, Zn 1.0% max, Fe 1.0% max, Mn 0.50% max, Ni 0.50 max, Sn 0.30% max, Pb 0.1% max
2	ADCSH	Cu 1.0-2.5%, Si 9.0 - 11%, Mg 0.5% max, Zn 2.0% max, Fe 1.1% max, Mn 0.50% max, Ni 0.50% max, Sn 0.30% max, Pb 0.1% max
3	HD2	Cu 1.5 - 4.0%; Si 10.5 - 12%; Mg 0.05-0.35% max; Zn 2.5% max; Fe 1.1% max; Mn 0.50% max; Ni 0.50% max; Sn 0.20% max; Pb 0.2% max
4	Al 96%	Al 96% min, Si 0.6% max, Fe 1.0% max, Cu 0.4% max, Mn 0.9% max, Mg 1.65% max, Zn 0.5% max, Pb 0.1% max.
5	Al 94%	Al 94% min, Si 1.0% max, Fe 3.0% max, Cu 1.0% max, Mg 1.0% max
6	Al 6063	Cu 0.1% max, Si 0.2 – 0.6%, Mg 0.45 - 0.9%, Zn 0.1% max, Fe 0.35% max, Mn 0.10% max, Cr 0.10% max
7	AZ91D	Mg 89.6% min, Al 8.3 - 9.7 %, Zn 0.35 - 1.0%, Si 0.1% max, Mn 0.15-0.5%, Be 0.002% max
8	Mg nguyên chất	Mg 99.9% min
9	SHG	Zn: 99.995% min
10	Zamak3	Al 3.9-4.2%, Tl 0.001% max, Sn 0.001% max, Si 0.02% max, Pb 0.003% max, Ni 0.001% max, Mg 0.04-0.05%, In 0.0005% max, Fe 0.02% max, Cu 0.03% max, Cd 0.002% max
11	Chì nguyên chất	Pb 99.97% min, Pb 99.99% min
12	Chì 98%	Pb 98% min



SGS AI 96%

Certificate N°: 2204010591

Page N°: 3 / 3

The testing results as lab report No. HPM22-18083 R0 as follows:

Characteristics	Unit	Testing results	Testing methods
Al	%	06.74 (Nine six decimal seven four)	LMIN-HAPO-TST-SOP-8247
Cu	%	0.23 (Zero decimal two three)	
Zn	%	0.18 (Zero decimal one eight)	
Fe	%	0.54 (Zero decimal five four)	
Mn	%	0.69 (Zero decimal six nine)	
Mg	%	1.24 (One decimal two four)	
Ti	%	0.018 (Zero decimal zero one eight)	ASTM E3061-17
Ph	%	0.024 (Zero decimal zero two four)	
Ni	%	0.006 (Zero decimal zero zero six)	
Si	%	0.37 (Zero decimal three seven)	
Cr	%	0.025 (Zero decimal zero two five)	
Sn	%	0.002 (Zero decimal zero zero two)	
Cs	%	0.004 (Zero decimal zero zero four)	
Cd	%	0.0001 (Zero decimal zero zero zero one)	

Details of the bridge scale:
Verification stamp: 21A00149
Calibrated by: VMC

Calibration date: 04/06/2021
Next calibration due: 30/09/2022

SGS VIETNAM LTD
Nguyễn Xuân Bách

SGS Vietnam Ltd.
191 Nguyen Truong Street
Ward 6, District 3
Ho Chi Minh City - Vietnam
T +84 28 3635 1500
F +84 28 3635 1501

VILAS TEST AL 96%

CÔNG TY TNHH MTV THỬ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH HẢI PHÒNG
HAI PHONG TESTING AND VERIFICATION ONE MEMBER LIMITED COMPANY
Head office: No157- Lot Noi- So Dau New Urban Area- So Dau Ward-Hong Bang District- Hai Phong City
Tel: (+84) 0225 6588333 Fax: (+84) 0225 6588333
Email: thuthienkiemdinhhaiphong@gmail.com

VILAS1080

Số Báo cáo: CH3001-24/Lab
Ngày: 30/01/2024

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
TEST RESULTS

1. Khách hàng (Client): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VẠN LONG CDC
2. Địa chỉ (Address): Khu An Tĩ, Phường Hồng Vương, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng.
3. Mã số thuế: 0200835768
4. Tên mẫu (Type of sample): Mẫu nhóm 12-1
5. Thiết bị thử (Equipment of testing): Máy Quang Phổ Phát Xạ Spectromax
6. Phương pháp thử (Method of Testing): ASTM E1251 : 2017
7. Ngày thử nghiệm (Date of testing): 30/01/2024
8. Nội dung: Xác định thành phần hóa học của Vật Liệu

THÀNH PHẦN HÓA HỌC
(CHEMICAL COMPOSITION %)

Si	Fe	Cu	Mn	Mg	Cr	Ni	Zn
0.312	0.678	0.176	0.684	0.837	0.0196	0.0050	0.175
Ti	Ag	B	Ba	Be	Bi	Ca	Cd
0.0229	0.00033	0.0023	0.00010	0.00005	0.0021	0.00024	0.0018
Ce	Co	Ga	Hg	In	La	Li	Mo
0.0015	0.00050	0.0106	0.00100	0.00030	0.00030	0.00010	0.00055
Na	P	Pb	Sb	Sn	Sr	V	Zr
0.00010	0.00100	0.0107	0.0030	0.0048	0.00010	0.0143	0.0041
Se	Al						
0.0500	97.0						

Ghi chú (Notice): Kết quả này chỉ có ý nghĩa trên mẫu thử.
(Result only for the sample)

NGƯỜI KIỂM TRA (Tester): PHẠM THANH HUYỀN

PHÒNG THỬ NGHIỆM (Lab): PHẠM THANH HUYỀN

Trang 1/1
No of pages: 1

Không được sao chép rời khi kết quả thí nghiệm có dấu trạng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
This certificate shall not be reproduced except in full, without the written approval of laboratory

Mẫu TM-01H

SPECTRO TEST ADC12

PELTRO

AMETEK
MATERIALS ANALYSIS DIVISION

Measure Date Time: 23/02/2024 1:42:02 CH
Method Name: AI01-F
Type: Unknown
Type Corr Sample Name: Unknown

KHÁCH HÀNG: TEN MAU
Van Long
Mẫu nhóm 2
Grade Norm: MAUx
Grade ID: MAUx

Unit	Si	Fe	Cu	Mn	Mg	Cr	Ni	Zn	Ti	Ag
1	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
OP	0.401	0.066	0.215	0.739	1.36	0.0217	0.0089	0.122	0.0224	0.00029
SD	0.401	0.066	0.215	0.739	1.36	0.0217	0.0089	0.122	0.0224	0.00029
RSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Unit	B	Ba	Be	Bi	Ca	Cd	Ce	Co	Ga	Hg
1	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
OP	0.0028	0.00088	<0.00005	0.0038	0.00060	0.00074	<0.0015	<0.00050	0.0123	0.0014
SD	0.0028	0.00088	<0.00005	0.0038	0.00060	0.00074	<0.0015	<0.00050	0.0123	0.0014
RSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Unit	In	La	Li	Mo	Na	P	Pb	Sb	Sn	Sr
1	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
OP	<0.00030	<0.00030	<0.00010	0.0027	0.0020	0.0054	0.0125	<0.0030	0.0041	<0.00010
SD	<0.00030	<0.00030	<0.00010	0.0027	0.0020	0.0054	0.0125	<0.0030	0.0041	<0.00010
RSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Unit	V	Zr	Sc	Al
1	%	%	%	%
OP	0.0136	0.0045	<0.0000	96.1
SD	0.0136	0.0045	<0.0000	96.1
RSD	-	-	-	-



Ảnh đóng hàng, giao hàng tại kho, khách hàng...



Giao hàng tại HEV



Cân hàng xuất khẩu



Giao nhận hàng tại kho Vân Long



Giá trị gia tăng – Giá trị niềm tin

VanLongCDC

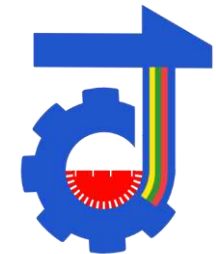
PHÒNG KIM LOẠI – KHÁCH HÀNG CHÍNH

19





PHÒNG KIM LOẠI – ĐỐI TÁC CHÍNH





Giá trị gia tăng – Giá trị niềm tin

GIỚI THIỆU VÂN LONG CDC – VĂN HÓA KINH DOANH

VanLongCDC

21

Để phục vụ các hoạt động kinh doanh thương mại, Vân Long CDC chú trọng các chương trình đào tạo, các hoạt động ngoại khóa và chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên. Vân Long CDC trân trọng giá trị của từng cá nhân và luôn tạo điều kiện để tất cả mọi người phát triển và trưởng thành cùng nhau.



HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG



ĐÀO TẠO



DU LỊCH THƯỜNG NIÊN



BÓNG ĐÁ GIAO HỮU



Giá trị gia tăng – Giá trị niềm tin

VanLongCDC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÂN LONG CDC

22

XIN CẢM ƠN!

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ WEBSITE:

www.vcdc.com.vn

www.hoachathaiha.vn

ĐỒNG LÒNG - ĐỔI MỚI - HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG